

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2018/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 10 - 2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH toà: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết

Bà Đoàn Thị Dịu

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/8/2018 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn H - Sinh năm 1981.

Bị đơn: Chị Ninh Thị L - Sinh năm 1987.

Cùng trú tại: Đội 13, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt anh H. Vắng mặt chị L (mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 20/7/2018, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn là anh Lê Văn H trình bày:

Anh và chị Ninh Thị L kết hôn ngày 03/3/2008 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Từ tháng 10/2015 vợ chồng đã sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nữa nên đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị T - Sinh ngày 03/6/2005; Lê Thị Phương H - Sinh ngày 24/02/2011 và Lê Đức V - Sinh ngày 17/7/2012. Hiện tại cả 3 con đang ở với anh. Khi ly hôn anh nhận nuôi cả 3 con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/9/2018, bố mẹ chị Ninh Thị L là ông Ninh Văn N và bà Trần Thị K cung cấp như sau:

Sau khi kết hôn vợ chồng H, L chung sống bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách quan điểm sống khác nhau, đến năm 2015 chị L đã bỏ về sống tại nhà bố mẹ đẻ. Chị L có biết việc anh Lê Văn H có đơn xin ly hôn và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật do vợ chồng sống ly thân đã nhiều năm, tình cảm giữa hai bên không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được.

Về con chung vợ chồng H, L có 3 con chung, gồm Lê Thị T - Sinh ngày 03/6/2005; Lê Thị Phương H - Sinh ngày 24/02/2011 và Lê Đức V - Sinh ngày 17/7/2012.

Về tài sản, công nợ: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh H: Vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

Về nội dung:

Xét thấy vợ chồng anh H, chị L đã sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn và nhân gia đình đề nghị HĐXX xử lý hôn giữa anh Lê Văn H và chị Ninh Thị L.

Về con chung:

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 81; 82; 83 giao con chung của vợ chồng là Lê Thị T - Sinh ngày 03/6/2005; Lê Thị Phương H - Sinh ngày 24/02/2011 và Lê Đức V - Sinh ngày 17/7/2012 cho anh H nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh H về việc không yêu cầu chị Ninh Thị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.
Về án phí: Anh H nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục trong việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Ninh Thị L nhưng chị L vẫn vắng mặt là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án hoãn phiên tòa do có sự vắng mặt của bị đơn lần thứ nhất và mở lại phiên tòa lần thứ hai là đúng quy định tại Điều 227; 233 BLTTDS.

[2] Về tình cảm:

Anh Lê Văn H và chị Ninh Thị L kết hôn ngày 03/3/2008 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn về tính cách, quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015.

Sau khi anh H có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của anh H cho chị L nhưng chị L không đến Tòa án để làm việc.

Theo yêu cầu của anh H, TAND huyện Trực Ninh đã tiến hành thu thập chứng cứ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/9/2018, bố mẹ chị Ninh Thị L đã cung cấp:

Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị L chung sống bình thường một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách quan điểm sống khác nhau, đến năm 2015 chị L đã bỏ về sống tại nhà bố mẹ đẻ. Chị L có biết việc anh Lê Văn H có đơn xin ly hôn và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật do vợ chồng sống ly thân đã nhiều năm, tình cảm giữa hai bên không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được.

Hội đồng xét xử thấy:

Anh H và chị L đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị L đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc anh H xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về con chung:

Vợ chồng có 3 con chung là Lê Thị T - Sinh ngày 03/6/2005; Lê Thị Phương H - Sinh ngày 24/02/2011 và Lê Đức V - Sinh ngày 17/7/2012. Hiện tại cả ba con đang ở cùng với anh H.

Xét yêu cầu của anh H về việc nhận nuôi 3 con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con HĐXX thấy: Chị L vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình chuẩn bị xét xử chị L không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc nhận nuôi con chung. Hiện tại con chung đang ở cùng với anh H, việc anh H nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ:

Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng không thể hiện anh H và chị L có tài sản, khoản nợ chung nên không xem xét nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn nhân giữa anh Lê Văn H và chị Ninh Thị L.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn H có trách nhiệm nuôi dưỡng 3 con chung là Lê Thị T - Sinh ngày 03/6/2005; Lê Thị Phương H - Sinh ngày 24/02/2011 và Lê Đức V - Sinh ngày 17/7/2012.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh H về việc không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Ninh Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Anh Lê Văn H phải nộp 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền anh H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04811 ngày 22/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị Ninh Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt Bản án hợp lệ theo quy định của BLTTDS

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà